

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp
tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Chỉ thị số 2039/CT-BNN-KH ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 286/TTr-SNN ngày 04 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *đ*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP;
- các CV: KTTH, KTN;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cao Bằng;
- Lưu: VT, NL (Kh b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

ĐỀ ÁN
TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP
TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(ban hành kèm theo Quyết định số: 695 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN NĂM 2011-2015

I. THỰC TRẠNG CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP

1. Những kết quả đạt được

Sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn đã có nhiều chuyển biến tích cực; tốc độ tăng trưởng sản xuất nông lâm nghiệp bình quân đạt 3,8%; giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 35 triệu đồng/ha. Tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp trong cơ cấu kinh tế năm 2015 đạt 25,28%. Trong đó, trồng trọt chiếm 56,72%, chăn nuôi 31,85%, lâm nghiệp 9,36%, dịch vụ và các hoạt động khác chiếm 1,36%. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 2.807,8 tỷ đồng, chăn nuôi đạt 1.576,7 tỷ đồng, dịch vụ đạt 84,1 tỷ đồng, thủy sản đạt 18,7 tỷ đồng và lâm nghiệp đạt 463,4 tỷ đồng.

Về trồng trọt: Các chỉ tiêu sản xuất chính cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng trưởng ngành trồng trọt bình quân cả giai đoạn đạt 3,6%/năm. Đến năm 2015, tổng sản lượng lương thực đạt 250.000 tấn, tăng 13.000 tấn so với năm 2011, lương thực bình quân đầu người đạt 491kg/người/năm, bằng mức an ninh lương thực quốc gia. Một số cây trồng chủ lực của tỉnh được xác định phát triển trở thành hàng hóa mang lại thu nhập cao và ổn định cho người nông dân: Tổng diện tích trồng thuốc lá tăng dần qua các năm, sản lượng năm 2015 đạt 7.579,5 tấn, tăng 1.663 tấn so với năm 2011; tổng diện tích trúc sào hiện nay là 3.720 ha, trong đó diện tích đã cho khai thác là 2.000 ha, tăng 33% so với năm 2011; diện tích vùng nguyên liệu sản cung ứng nguyên liệu cho nhà máy là 2.725 ha, năng suất bình quân qua các năm đạt 15- 17 tấn/ha; tổng diện tích Lạc là 1.727 ha, sản lượng 2.533 tấn, trong đó diện tích lạc hàng hóa trên 500 ha. Ngoài ra, một số cây trồng ứng dụng công nghệ cao đang dần được hình thành như phát triển chè chất lượng cao khu vực Phja Oắc - Phja Đén và trồng cây dược liệu dưới tán rừng...

Về chăn nuôi: Tốc độ tăng trưởng ngành chăn nuôi bình quân cả giai đoạn đạt 11,7%, đến năm 2015 tổng đàn bò đạt 128.000 con, đàn trâu đạt 104.000 con, đàn lợn đạt 390.000 con, tổng đàn gia cầm đạt khoảng 2,2 triệu con, đàn dê đạt 18.000 con. Đã hình thành các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị như bò H'mông, lợn đen, mô hình chăn nuôi Viet GAHP cho nông hộ... Công tác phòng chống, khắc

phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh cho đàn vật nuôi đã có chuyển biến tích cực, giảm số lượng trâu bò chết do rét (năm 2011, chết 11.001 con; năm 2012, chết 622 con; năm 2013, chết 917 con; năm 2014, chết 97 con. Tỷ lệ tiêm vacxin phòng dịch năm sau cao hơn năm trước và đạt mức trên 80% đối với bệnh tụ huyết trùng trâu bò).

Về lâm nghiệp: Công tác trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được quan tâm làm tốt. Tổng diện tích rừng trồng năm 2014, đạt trên 2.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 51%, đã rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, trong đó rừng đặc dụng 17.623 ha, rừng phòng hộ 297.450 ha, rừng sản xuất 218.932 ha. Quy hoạch vùng nguyên liệu tập trung để thu hút các cá nhân, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển rừng sản xuất gắn với chế biến. Hiện có 3 doanh nghiệp đã và đang đầu tư vào trồng rừng sản xuất gắn với chế biến.

Về phát triển dịch vụ: Công tác cung ứng vật tư giống cây trồng, phân bón, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, thú y, bảo vệ thực vật... được đảm bảo, kịp thời, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất. Tốc độ tăng trưởng cả giai đoạn đạt khoảng 4,3%/năm. Hệ thống thủy lợi tiếp tục được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp với 685 km mương thủy lợi được kiên cố, góp phần nâng tỷ lệ kiên cố kênh mương toàn tỉnh từ 28,7% vào năm 2010 lên 44,65% vào năm 2014, nhiều công trình hồ chứa được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới. Các công trình thủy lợi đều đã được phân cấp quản lý, phát huy được hiệu quả, đảm bảo phục vụ cho 3.300 ha lúa vụ xuân và 25.000 ha lúa vụ mùa. Công tác đảm bảo an toàn đập và an toàn vùng hạ du đập được thực hiện thường xuyên, công tác di dân ra khỏi vùng thiên tai tiếp tục được quan tâm. Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã hoàn thành đưa vào sử dụng 37 công trình, góp phần nâng tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh từ 80,48% năm 2010 lên 85% vào năm 2015.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được cả hệ thống chính trị vào cuộc chỉ đạo quyết liệt, các ngành được giao phụ trách giúp đỡ các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới đã bám sát nhiệm vụ các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, chủ động huy động nguồn lực hỗ trợ các địa phương. Đến nay đã có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Yếu kém, nguyên nhân

Nông nghiệp Cao Bằng phát triển mang tính tự phát, manh mún, tập trung chủ yếu vào tăng diện tích, tăng vụ, tăng năng suất, chưa chú trọng về chất lượng, sự an toàn của sản phẩm và mối liên kết giữa sản xuất - tiêu thụ, tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp còn thấp.

Tỉnh đã có nhiều chính sách phát triển nông nghiệp, tuy nhiên đa phần các chính sách mới chỉ chú trọng đến hỗ trợ trực tiếp cho người dân.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp chưa gắn với thực tiễn, nhiều công trình, giải pháp khoa học kỹ thuật sau khi hoàn thành không được áp dụng, nhân rộng trong thực tế.

Kinh tế hợp tác, trang trại chưa phát triển, số lượng ít, quy mô nhỏ; mô hình hợp tác xã kiểu mới chưa được nhân rộng.

Công tác nghiên cứu, cung cấp, dự báo thông tin thị trường chưa được quan tâm thường xuyên. Việc công bố thông tin sản phẩm và tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa chưa được thực hiện tốt, các sản phẩm đã áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) không tạo được sự khác biệt và lợi thế so với các sản phẩm cùng loại.

Công tác phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong tổ chức, chỉ đạo phát triển nông nghiệp chưa đồng bộ và thiếu sự kết nối.

Vốn đầu tư từ ngân sách và trái phiếu chính phủ dành cho phát triển nông nghiệp vào khoảng 1.379,4 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng quy mô vốn dành cho phát triển kinh tế (15.9%). Trong tổng nguồn đầu tư cho nông nghiệp, vốn dành cho phát triển sản xuất, thúc đẩy thị trường chỉ ở mức dưới 12,2% (phần còn lại chủ yếu là vốn đầu tư cho phát triển hạ tầng).

Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng bất lợi suy thoái nền kinh tế thế giới, biến đổi khí hậu như hạn hán, lũ lụt, rét hại...

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Từ thực trạng trên có thể thấy, mặc dù ngành nông nghiệp đã có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, song vẫn còn một số bất cập như sau:

1. Tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp chậm và thiếu ổn định; giá trị sản xuất nông nghiệp trên đơn vị diện tích còn thấp; chưa khai thác hết được tiềm năng lợi thế của địa phương; thu nhập của nông dân thấp.

2. Sản xuất nông nghiệp dàn trải theo chiều rộng, chưa chú trọng phát triển theo chiều sâu, chưa có sản phẩm hàng hóa mang thương hiệu của tỉnh.

3. Sản xuất nông nghiệp chưa gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm. Công tác dự báo thị trường còn yếu và thiếu.

4. Phần lớn các sản phẩm nông nghiệp được chế biến thô, công nghệ chế biến lạc hậu, tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu thấp; khoa học kỹ thuật chưa tạo ra đột phá trong sản xuất nông nghiệp.

5. Tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn còn nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu là kinh tế hộ. Hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp còn nhỏ, năng lực tài chính còn yếu, thiếu ổn định và nhiều bất cập, chưa gắn kết chặt chẽ với nông dân.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trên cần phải điều chỉnh toàn diện về cơ cấu phát triển, tổ chức lại và nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, để nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa nông, lâm sản. Đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

Phần thứ hai **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X);

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020;

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững" theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn;

- Quyết định 1006/QĐ-BNN-TT, ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt năm 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN, ngày 9/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt "Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững";

- Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp;

- Quyết định số 986/QĐ-BNN-KHCN ngày 9/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao giá trị và sự đóng góp của ngành nông nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng thu nhập cho nông dân, giảm nghèo bền vững. Khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển nông nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiến tới phát triển ổn định và hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp đạt trên 4%/năm.
- Đến năm 2020 tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế là 19,5%. Trong đó: Trồng trọt chiếm tỷ trọng 52,5%, chăn nuôi chiếm tỷ trọng 33,2%, dịch vụ chiếm tỷ 2,2%, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 11,5% và thủy sản chiếm tỷ trọng 0,6%.
- Ổn định sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm đạt từ 250 ngàn tấn trở lên.
- Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên một đơn vị diện tích (ha) đạt 40 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 25 triệu đồng (tăng lên gấp 1,7 lần so với năm 2015).
- Tỷ lệ che phủ rừng 53%; trồng rừng đạt 12.500 ha.
- Xây dựng 10 mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra sản phẩm gắn với thương hiệu.
- Về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đến năm 2020 bình quân đạt 12 tiêu chí/xã; có từ 20 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới; trên 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

II. NỘI DUNG TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Quan điểm tái cơ cấu

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Cao Bằng là một hợp phần của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh đến năm 2020, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp Việt Nam theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững. Nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững vừa là một quá trình, vừa là mục tiêu của ngành Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp vừa phải theo cơ chế thị trường vừa phải bảo đảm nâng cao thu nhập, phúc lợi của người nông dân và người tiêu dùng, chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng, lấy số lượng làm mục tiêu phấn đấu sang nâng cao chất lượng, hiệu quả thể hiện bằng giá trị, lợi nhuận.

Nhà nước giữ vai trò hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành nghề nông nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể, trang trại; tập trung công tác khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao khoa học, công nghệ phát triển thị trường, cơ sở hạ tầng phục vụ nông, lâm, thủy sản, cung cấp thông tin, dịch vụ trên địa bàn.

Tăng cường sự tham gia của UBND cấp huyện, các sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể và các thành phần kinh tế, xã hội trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp; nông dân và doanh nghiệp là lực lượng trực tiếp đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Tái cơ cấu là một quá trình phức tạp, khó khăn và lâu dài cần được thường xuyên đánh giá, sơ kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

2. Tái cơ cấu trong các lĩnh vực cụ thể

2. 1. Lĩnh vực Trồng trọt

- Phát triển trồng trọt theo hướng ứng dụng tiến bộ công nghệ cao, bền vững, sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn lương thực, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, lao động, nguồn vốn. Kêu gọi đầu tư cho công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân. Thực hiện tốt các quy định về môi trường trong sử dụng phân bón, hóa chất và xử lý chất thải nông nghiệp.

- Duy trì và sử dụng hiệu quả 30.000 ha đất trồng lúa, ngoài việc đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao hiệu quả sử dụng đất để đạt sản lượng 130.000 tấn; tập trung phát triển khoảng 1.000 ha giống lúa đặc sản, đặc hữu, lúa thuần chất lượng cao trở thành hàng hóa. Sử dụng các giống ngô lai, giống chuyên gen có năng suất cao, chịu hạn cao để đạt sản lượng 180.000 tấn, đáp ứng nguyên liệu cho chế biến và chăn nuôi.

- Duy trì, phát triển các cây trồng hàng hóa như Thuốc lá 5.000 ha, cây Mía 3.500 ha, vùng Mía xuất khẩu 1.000 ha; cây sắn 5.000 ha; cây lạc 5.000 ha...

- Phát triển các vùng rau, quả, cây dược liệu, nấm, cây ăn quả đặc sản quý với quy mô hợp lý ở những vùng có lợi thế.

2. 2. Lĩnh vực chăn nuôi

Chăn nuôi trâu, bò: Phát triển diện tích trồng cỏ các loại; phổ biến kỹ thuật chế biến, dự trữ thức ăn cho trâu bò, nhân rộng mô hình ủ chua, ủ rom ure tăng nguồn thức ăn dự trữ qua mùa Đông cho đàn trâu, bò. Phát triển quy mô đàn bò hàng hoá, chú trọng phát triển đàn bò H'Mông, đẩy mạnh kỹ thuật thụ tinh nhân tạo trâu, bò. Đến năm 2020, tổng đàn trâu đạt trên 102 nghìn con, tổng đàn bò đạt trên 139 nghìn con.

Chăn nuôi lợn: Phát triển lợn ngoại, lợn lai tỷ lệ nạc cao tại các vùng đã có dịch vụ thụ tinh nhân tạo lợn; tăng số lượng các điểm dịch vụ thụ tinh nhân tạo lợn; cải tạo phát triển đàn lợn bản địa chất lượng cao. Đến năm 2020, tổng đàn lợn đạt trên 859 nghìn con.

Chăn nuôi gia cầm: Khuyến khích các tổ chức cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi gà lông màu tại tất cả các huyện, Thành phố. Đến năm 2020, tổng đàn gia cầm đạt khoảng 4 triệu con.

Chăn nuôi dê: Phát triển đàn dê giống địa phương, các giống dê lai ngoại tại các huyện có điều kiện như Nguyên Bình, Thông Nông, Hà Quảng, Trùng Khánh, Hạ Lang, Phục Hòa. Đến năm 2020, tổng đàn dê đạt trên 30 nghìn con.

2. 3. Lĩnh vực Lâm nghiệp

Bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hiện có gắn với phát triển du lịch sinh thái; nâng cao giá trị rừng sản xuất, đáp ứng nguyên liệu phục vụ phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm từ gỗ, tăng diện tích thâm canh các loại cây giống có giá trị kinh tế cao.

- Diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2020, dự kiến khoảng 534.099 ha. Trong đó, rừng sản xuất 218.155 ha, rừng phòng hộ 298.321 ha, rừng đặc dụng 17.623 ha. Phân đầu hằng năm diện tích rừng được bảo vệ đạt 225.278 ha, khoanh nuôi đạt 15.000 - 20.000 ha, chăm sóc rừng đạt 2.500 ha, trồng rừng đạt 12.500 ha.

- Hoàn thành Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013-2020, Quy hoạch vùng nguyên liệu như sau:

+ Vùng sản xuất gỗ lớn phục vụ xây dựng và gia dụng: Quy hoạch 30.000 ha, chiếm 20% diện tích đất rừng sản xuất;

+ Vùng sản xuất gỗ ván thanh, ván bóc: Quy hoạch 34.000 ha, chiếm 15,5% diện tích đất rừng sản xuất;

+ Vùng sản xuất nguyên liệu măng trúc, đồ thủ công mỹ nghệ và rừng đặc sản: Quy hoạch 15.000 ha, chiếm 6,8% diện tích đất rừng sản xuất;

+ Vùng sản xuất gỗ nhỏ và nguyên liệu chế biến khác: Quy hoạch 46.829 ha, chiếm 21,5% diện tích đất rừng sản xuất.

- Cây Hồi: Diện tích trồng mới đến năm 2020 là 1.000 ha, tập trung tại các huyện Thạch An, Bảo Lạc, Trà Lĩnh, nâng tổng diện tích lên 5.500 ha.

- Cây Quế: Diện tích trồng mới đến năm 2020 là 500 ha, nâng tổng diện tích lên 1.200 ha.

- Cây Trúc Sào: Ổn định diện tích đến năm 2020 là 5.000 ha.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP

1. Về công tác tuyên truyền

Các cấp chính quyền, tổ chức đoàn thể, cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền phổ biến, quán triệt Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 đến toàn thể cán bộ, doanh nghiệp và nhân dân theo các hình thức tuyên truyền đa dạng, phù hợp với từng đối tượng. Chú trọng thông tin các mô hình sản xuất có hiệu quả; các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp để nhân mô hình sản xuất;

Xây dựng chương trình tuyên truyền ngắn gọn, đơn giản, nâng cao được tính cộng đồng và trách nhiệm của toàn dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Đảm bảo thông tin hai chiều giữa doanh nghiệp, người dân và chính quyền nhằm phổ biến thông tin cũng như tiếp nhận các ý kiến phản ánh nhanh chóng để có những biện pháp hỗ trợ kịp thời;

Hình thành các phong trào thi đua rộng khắp trong tất cả các khâu từ tổ chức sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật cho đến tiếp cận thị trường, khuyến khích, tổng kết các kinh nghiệm thực hành tốt, hiệu quả để nhân rộng.

2. Về cơ chế, chính sách

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành trên cơ sở phát huy tiềm năng lợi thế với ưu tiên rõ ràng trong lộ trình thực hiện;

Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chính sách về thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp; chính sách phát triển vùng sản xuất nông sản; chính sách phát triển kết cấu hạ tầng vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chính sách phát triển dịch vụ hỗ trợ cho nông nghiệp như tiếp cận vốn, bảo quản, chế biến, tập kết, vận tải hàng hóa... phục vụ các hoạt động thương mại nội địa và xuất khẩu.

Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, trong đó ưu tiên cải cách thủ tục: đăng ký, thành lập doanh nghiệp, thuế, phí, sử dụng đất đai, tiếp cận thông tin... tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế phân cấp vốn phát triển cho cấp cơ sở, đảm bảo đồng bộ trong các chương trình phát triển nông thôn; xã hội hóa công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật, tăng cường sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Về khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, tạo điều kiện cho các nhà khoa học, các thành phần kinh tế nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, tiếp cận thị trường;

Tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp, người dân và các thành phần kinh tế tiếp cận với các kết quả nghiên cứu, tiến bộ khoa học kỹ thuật như: tài liệu hóa, lưu trữ, công bố kết quả nghiên cứu...; triển khai hiệu quả các ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; khuyến khích các sáng kiến cộng đồng thông qua các cuộc thi, hội nghị, hội thảo, hội chợ và các hoạt động khác;

Cung cấp thông tin thị trường, hình thành hệ thống quản lý chất lượng, công bố thông tin sản phẩm thống nhất, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng nông sản;

Xây dựng lực lượng đội ngũ cán bộ đảm bảo thực hiện tốt việc trung gian hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp tổ chức sản xuất, kết nối thị trường và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;

Thực hiện thí điểm một số mô hình sản xuất công nghệ cao tại những nơi có điều kiện đối với một số loại cây trồng: chè, hoa, rau, dược liệu, nấm... tạo sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thị trường.

4. Về tổ chức sản xuất

Đổi mới, nâng cao hiệu quả, mô hình kinh tế hợp tác, chú trọng phát huy vai trò của doanh nghiệp; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tạo mọi điều kiện tiếp cận vốn vay tín dụng, đào tạo, đất đai, liên kết liên doanh trong sản xuất gắn với thị trường;

Tổ chức thực hiện tốt việc liên kết vùng (trong và ngoài tỉnh), đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm có cùng lợi thế tạo ra khối lượng hàng hóa lớn đồng nhất về chất lượng để thu hút các doanh nghiệp tham gia kinh doanh xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa nông sản sang thị trường Trung Quốc và các thị trường khác;

Củng cố và phát triển các hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, để huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên rừng. Đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng và phát triển các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã và nông dân, trong các chuỗi giá trị.

Đầu tư thủy lợi theo hướng đa chức năng; ưu tiên đầu tư phát triển thủy lợi phục vụ các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao; tập trung vốn đầu tư cho công trình thủy lợi đầu mối, hồ chứa; nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư; xây dựng hồ chứa nước ở khu vực bị ảnh hưởng hạn hán (vùng lục khu huyện Hà Quảng và các khu vực vùng cao thiếu nước trên địa bàn tỉnh), xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ, áp dụng linh hoạt các biện pháp tiết kiệm nước, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, đảm bảo phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu;

Đầu tư, quản lý hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng bền vững; xã hội hóa lĩnh vực nước sạch nông thôn, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành cung cấp nước sạch nông thôn.

6. Về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực ngành

Đề cao trách nhiệm trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về nông lâm nghiệp gắn với đánh giá chất lượng cán bộ; thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương trong nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện các chính sách phục vụ phát triển nông nghiệp;

Nâng cao năng lực của Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi - thủy sản, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Tạo điều kiện về nghiên cứu, phát triển, kiểm soát chất lượng các loại giống, sản phẩm cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện địa phương;

Thực hiện cải cách hành chính Sở Nông nghiệp và PTNT theo hướng công khai, minh bạch, hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động công vụ, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

7. Về vốn đầu tư

Để thực hiện đề án trong giai đoạn 2016-2020, nhu cầu vốn cho nông nghiệp chiếm vào khoảng 2,94% tổng nguồn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó riêng phần vốn nhà nước đầu tư cho nông nghiệp cần đạt khoảng 1.970 tỷ. Các giải pháp huy động như sau:

- Thực hiện xã hội hóa đầu tư, khuyến khích đầu tư tư nhân vào phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng chuyên giao một số dịch vụ công cho tư nhân và tổ chức xã hội thực hiện;

- Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách địa phương để xây dựng hệ thống tiêu chuẩn trong cung cấp dịch vụ sản xuất, tiêu thụ và kiểm soát chất lượng hàng hóa, nông lâm sản.

- Lồng ghép các nguồn vốn từ Trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn vốn vay, vốn viện trợ không hoàn lại để đầu tư cho phát triển nông nghiệp, ưu tiên cho củng cố kết cấu hạ tầng, đào tạo, nghiên cứu, xây dựng chính sách, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Khai thác hiệu quả vốn nhà nước cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao ứng dụng, nâng cao năng lực tham mưu chính sách, phát triển giống cây trồng, vật nuôi, hạ tầng quản lý chất lượng, cung cấp thông tin thị trường, sản phẩm, thực hiện tuyên truyền, đầu tư trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ các cộng đồng thực hiện nông thôn mới;

- Huy động các nguồn vốn từ cộng đồng, doanh nghiệp ... tập trung vào đầu tư hạ tầng theo quy hoạch, phát triển sản xuất, kết nối thị trường và hạ tầng dịch vụ liên quan đến sản xuất, xuất khẩu;

- Huy động và khai thác các nguồn vay nước ngoài (vay Ngân hàng Thế giới, Quỹ phát triển nông nghiệp Quốc tế - IFAD), viện trợ không hoàn lại (VIE036, các dự án nhỏ của các tổ chức phi chính phủ) tập trung vào nghiên cứu chính sách, xây dựng mô hình sản xuất, kinh doanh thí điểm....

- Hình thành ban vận động tài trợ của tỉnh để chủ động kêu gọi và thống nhất quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

- Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động và các dự án trọng điểm phục vụ Đề án Tái cơ cấu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong năm 2016.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo Tái cơ cấu nông nghiệp từ tỉnh đến xã. Trong đó, ở cấp xã, sử dụng Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thực hiện kiêm nhiệm nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp.

- Triển khai thực hiện Đề án; điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án. Tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án khi cần thiết.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của tái cơ cấu từng lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi - thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các quy hoạch chuyên ngành; ban hành các đề án, kế hoạch Tái cơ cấu chuyên ngành; đề xuất cơ chế, chính sách để thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn các địa phương, các doanh nghiệp lập các dự án triển khai Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

- Thu hút và bố trí các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

- Rà soát, phân loại các dự án đầu tư, điều chỉnh phương thức và nguồn đầu tư để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Phối hợp với Sở nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành, địa phương tham mưu, đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu vốn, cân đối, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí cho việc lập mới, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch, triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ đổi mới, chuyển giao khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Tập trung các nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ Đề án tái cơ cấu.

- Hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm hàng hoá nông sản thế mạnh trên địa bàn, nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp của Tỉnh.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

- Nghiên cứu, rà soát các chính sách về thị trường, thúc đẩy xuất khẩu, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản. Hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Kiểm soát ngăn ngừa hiệu quả, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại hàng hoá nông, lâm, thủy sản.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng hiệu quả đất nông lâm nghiệp, gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học phát triển bền vững.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ triển khai có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

8. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Cao Bằng

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng, các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh, thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn; tạo cơ chế thông thoáng về hồ sơ, thủ tục để các tổ chức, cá nhân liên quan tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất, xây dựng chương trình tín dụng phục vụ Tái cơ cấu nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên nguồn vốn vay cho các mô hình áp dụng công nghệ cao và sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm.

9. Các sở, ban, ngành có liên quan

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đã được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện Đề án; tham mưu UBND tỉnh về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành của mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Đề án có hiệu quả.

10. Các Hội, Hiệp hội, tổ chức chính trị-xã hội

Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ hội viên thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, Thành phố

Căn cứ nội dung Đề án tái cơ cấu của tỉnh, đặc điểm, điều kiện của từng địa phương, kế hoạch và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tỉnh, của các sở, ngành:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn phù hợp với điều kiện của địa phương. Tăng cường phối kết hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong công tác chỉ đạo, phát triển sản xuất; có chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương gắn với các chương trình, chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển sản xuất kịp thời và hiệu quả.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

12. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của doanh nghiệp, nhu cầu của thị trường, các chủ trương, chính sách của Nhà nước và định hướng nội dung tái cơ cấu của Đề án, các doanh nghiệp tổ chức thực hiện liên kết sản xuất với nông dân từ cung ứng các dịch vụ đầu vào đến thu mua, chế biến và

tiêu thụ sản phẩm; đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Các doanh nghiệp cùng với nông dân tích cực tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản thông qua hợp đồng kinh tế.

13. Các hợp tác xã nông nghiệp

- Từng bước mở rộng quy mô và tổ chức hợp tác sản xuất, kinh doanh hiệu quả, thực hiện đổi mới hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Thực hiện có hiệu quả phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản và vai trò tổ chức đại diện cho nông dân theo quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

II. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ngành, UBND các huyện, Thành phố định kỳ báo cáo trước ngày 15/12 hàng năm về kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Đề án hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và các bộ, ngành liên quan.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Đề án, các cơ quan báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh